TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2023
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngộ.

Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Như Q, sinh ngày 09/01/2001.

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm Anh T1, sinh ngày 17/10/2000.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Như Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào tháng 8 năm 2019, chị Q và anh Lâm Anh T1 tự nguyện sống chung như vợ chồng. Đến ngày 09 tháng 11 năm 2020, anh, chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 10 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Q và anh T1 không còn sống chung từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Q và anh T1 có 01 người con chung tên Lâm Huỳnh Anh T2, sinh ngày 24/6/2020, hiện nay cháu T2 đang sống chung với chị Q.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị Q và anh T1 có tài sản chung, nhưng chị Q và anh T1 tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Chị Q và anh T1 không có nợ chung.

Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Anh T1.

- Về con chung: Chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Huỳnh Anh T2, sinh ngày 24/6/2020 đến tuổi thành niên và chị Q không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Q và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Q yêu cầu anh Lâm Anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày xét xử đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 56/TB-TLVA ngày 05 tháng 4 năm 2023, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Lâm Anh T1 nhưng anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh T1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do, chị Q có đơn yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh Tuấn trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị Q và anh T1 có 01 người con chung tên Lâm Huỳnh Anh T2, sinh ngày 24/6/2020. Hiện nay cháu T2 dưới 36 tháng tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Huỳnh Anh T2 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên tại phiên tòa, chị Q yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T2 tròn 18 tuổi, xét yêu cầu này của chị Q là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh T1.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị Q xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Q có đơn yêu cầu ly hôn và anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên chị Q, anh T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Thị Như Q, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; anh Lâm Anh T1, cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị Q có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Anh T1 và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị Q đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị Q nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị Q đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị Như Q là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Như Q và bị đơn anh Lâm Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Anh T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Lâm Anh T1.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Như Q, sinh ngày 09/01/2001 và anh Lâm Anh T1, sinh ngày 17/10/2000 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 56/2020 ngày 09 tháng 11 năm 2020 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Như Q và anh Lâm Anh T1 là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Như Q, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị Q và anh T1 hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 10 năm 2022, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Q và anh T1 không còn sống chung từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay. Chị Q và anh T1 đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Q và anh T1 trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[5] Về con chung: Chị Q và anh T1 có 01 người con chung tên Lâm Huỳnh Anh T2, sinh ngày 24/6/2020. Hiện nay cháu T2 đang do chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Huỳnh Anh T2, sinh ngày 24/6/2020 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên tại phiên tòa, chị Q yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng từ ngày xét xử cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, cấp dưỡng hàng tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" và tại phiên tòa, chị Q trình bày, hiện nay chị Q là người đang trực tiếp nuôi cháu Lâm Huỳnh Anh T2, chi phí tất cả các khoản để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Huỳnh Anh T2 từ 03 đến 04 triệu đồng/01 tháng. Do đó, chị Q yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng từ ngày xét xử cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng hàng tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 cho anh T1 mà không ai được cản trở. Anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Q.

[8] Về tài sản chung: Chị Q và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[9] Về nợ chung: Chị Q xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí:

[11.2] Chị Huỳnh Thị Như Q là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị Q phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng.

[11.2] Anh Lâm Anh T1 là người có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên căn cứ vào điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 3 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Như Q và anh Lâm Anh T1 ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Huỳnh Anh T2, sinh ngày 24/6/2020 cho chị Huỳnh Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh Lâm Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh T1 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị Q.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lâm Anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Huỳnh Anh T2, sinh ngày 24/6/2020 mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Tài tròn 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng hàng tháng; thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 22/6/2023; địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về tài sản chung: Chị Q và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Q xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6. Về án phí:

6.1. Chị Huỳnh Thị Như Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005110 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Huỳnh Thị Như Q đã nộp xong án phí.

6.2. Anh Lâm Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

7. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã Đ, huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn